

Bản án số: 15 /2019/KDTM -ST

Ngày: 26/9/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Nhật Thảo

2/- Ông Phạm Thạch Út

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày **26** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06 /2019/TLST–KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở chính: Số 442, đường Nguyễn Thị Minh K, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh T.** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Hoàng M,** sinh năm 1983 – Nhân viên

Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà ACB T 444A-446 Cách mạng tháng 8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh(có mặt).

2/. Bị đơn: - Ông Nguyễn Quang N, sinh năm: 1979(có mặt)

- Bà Phùng Thị Tuyết T, sinh năm: 1982(vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2018 và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do ông Lê Hoàng M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Quang N và bà Phùng Thị Tuyết T theo các văn bản thỏa thuận tín dụng sau đây:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.553.100415 ngày 15/4/2015.

- Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số ANG.CN.559.100415 ngày 15/4/2015.

- Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.CN.739.040216 ngày 05/02/2016.

- Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.CN.527.070616 ngày 10/6/2016.

Trên cơ sở đó, ACB cho ông Nguyễn Quang N và bà Phùng Thị Tuyết T ký vay bằng hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.373.070217 ngày 08/02/2017, cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 3.698.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, để thực hiện hợp đồng A đã giải ngân cho ông Nguyễn Quang N và bà Phùng Thị Tuyết T bằng 8 khế ước nhận nợ, mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh sản xuất và mua bán mùng mền, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, từ tháng thứ 7 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) = $LS_{13} + 3,00\% + X$, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay, các khoản vay đã đáo hạn (kết thúc thời hạn vay) nhưng ông N, bà T không thanh toán nợ cho A. Do đó, kể từ ngày kế tiếp của ngày đáo hạn theo từng khế ước nhận nợ, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay chưa trả của khế ước nhận nợ đó sang nợ quá hạn, tính đến ngày 13/11/2018 ông N, bà T còn nợ ngân hàng số tiền vốn gốc là 3.698.000.000 đồng, lãi 452.218.984 đồng, phạt chậm trả 4.157.261.616 đồng, tổng cộng 4.157.261.616 đồng.

Các khoản nợ nêu trên được bảo đảm, theo các hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.274.100415 ngày 15/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.274.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.274.100415/SĐBS-02 ngày 10/6/2016;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.227.100415 ngày 15/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.227.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.227.100415/SĐBS-02 ngày 10/6/2016.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐCN.250.100415 ngày 16/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số

ANG.BĐCN.250.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.250.100415/SĐBS-02 ngày 13/6/2016.

Nay ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Nguyễn Quang N và bà Phùng Thị Tuyết T trả ngay cho Ngân hàng A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 26/9/2019 là 4.671.286.774 đồng, trong đó vốn gốc là 3.698.000.000 đồng, lãi trong hạn là 120.387.639 đồng, lãi quá hạn là 834.262.044 đồng, lãi phạt là 18.637.091 đồng.

Tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày trả hết nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Tại tờ tự khai ngày 20/2/2019 và biên bản hòa giải ngày 26/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Quang N trình bày: Ông thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của đại diện ngân hàng TMCP A, nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông xác nhận, ông và bà T (vợ của ông) còn nợ ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày 26/9/2019 là 4.671.286.774 đồng và đồng ý trả nợ, tuy nhiên về phương thức trả nợ ông xin Ngân hàng TMCP A cho ông trả trong 2 lần; lần thứ 1 vào ngày 03/10/2019 ông bà trả vốn lãi khoản 3.300.000.000đ và yêu cầu ngân hàng giải chấp các tài sản tương ứng cho ông, sau 1 tháng đến ngày 03/11/2019 ông bà sẽ trả dứt số tiền vốn và lãi còn lại và yêu cầu ngân hàng giảm 1 phần lãi cho ông bà.

- Đối với bị đơn bà Bà Phùng Thị Tuyết T : Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và hòa giải, nhưng phía bà T đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 4.671.286.774 đồng, tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đến ngày trả hết nợ, đồng thời tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án, khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn phải trả lại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho bị đơn và bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên, mà cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh, bị đơn có địa chỉ ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C

được quy định tại khoản 1 điều 30 và điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điều 319 của Luật Thương Mại hợp đồng tín dụng mà các bên tranh chấp còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bà Phùng Thị Tuyết T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phùng Thị Tuyết T.

[2]**Về nội dung:** Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T thực tế có xảy ra, được chứng minh qua hợp đồng cấp tín dụng ngày 08/02/2017, 8 kế ước nhận nợ và lời thừa nhận của các bên đương sự.

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T trả cho Ngân hàng A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 26/9/2019 là 4.671.286.774 đồng, trong đó vốn gốc là 3.698.000.000 đồng, lãi trong hạn là 120.387.639 đồng, lãi quá hạn là 834.262.044 đồng, lãi phạt là 18.637.091 đồng. Đồng thời trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Ngân hàng A yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Quang N thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A và đến nay còn nợ ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày 26/9/2019 là 4.671.286.774 đồng và đồng ý trả nợ, tuy nhiên về phương thức trả nợ ông xin Ngân hàng TMCP A cho ông trả trong 2 lần; lần thứ 1 vào ngày 3/10/2019 ông bà trả vốn lãi khoảng 3.300.000.000đ và yêu cầu ngân hàng giải chấp các tài sản tương ứng cho ông bà, sau 1 tháng đến ngày 03/11/2019 ông bà sẽ trả dứt số tiền vốn và lãi còn lại và yêu cầu Ngân hàng có xem xét giảm 1 phần lãi cho ông bà, nhưng không được phía đại diện cho Ngân hàng TMCP A đồng ý. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ là phải nộp lãi và trả vốn đúng theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, qua hòa giải tại tòa phía bị đơn đưa ra nhiều phương thức và thời gian trả nợ nhưng cũng không thực hiện được, việc kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt hại về quyền lợi chính đáng cho phía nguyên đơn. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A buộc ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả số tiền vốn + lãi tính đến ngày 26/9/2019 là 4.671.286.774 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với hợp đồng thế chấp: Xét thấy đối với các hợp đồng thế chấp đã ký giữa ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T đều hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và đều có chữ ký của ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T, có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và đều có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy khi buộc ông Nhựt và bà Thanh trả nợ cho Ngân hàng thì cần phải tiếp tục duy trì các hợp đồng đã thế chấp để đảm bảo thi hành án là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào điều 147 bộ luật tố tụng dân sự và và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 và pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T phải chịu án phí KDTM theo qui định.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên Ngân hàng được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 292, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự và các điều 30, 35, 147, 227, 228 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 73 của luật Doanh Nghiệp 2014, điều 292, 300, 306, 319 của Luật Thương mại 2005; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A. Buộc ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 4.671.286.774đ (bốn tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2019) khách hàng vay (ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng TMCP A - Chi Nhánh An Giang với ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T để đảm bảo thu hồi nợ cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.274.100415 ngày 15/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.274.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.274.100415/SĐBS-02 ngày 10/6/2016;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.227.100415 ngày

15/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.227.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.227.100415/SĐBS-02 ngày 10/6/2016.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐCN.250.100415 ngày 16/4/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.250.100415/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.250.100415/SĐBS-02 ngày 13/6/2016.

Khi ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A- Chi Nhánh An Giang phải trả lại tất cả các loại giấy tờ đã thế chấp cho ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T. Trường hợp ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại :

Ông Nguyễn Quang N, bà Phùng Thị Tuyết T phải chịu 112.671.000đ (một trăm mười hai triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.039.000đ (năm mươi sáu triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014020 ngày 21/12/2018 của chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án(26/9/2019). Bà Phùng Thị Tuyết T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa

